

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên
2. Bà Hoàng Thị Chính.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính-Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô -Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 901/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 982/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Thùy A; địa chỉ: T6, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; địa chỉ: T6, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ghi ngày 05-9-2019, các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Thùy A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, chị Thùy A kết hôn với anh Bùi Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 28-02-2008. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đôi bên không hợp nhau về tính cách, tâm lý và bất đồng trong quan điểm sống; anh T nhiều lần chửi bới đánh đập xúc phạm chị Thùy A nên mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Hai bên gia đình và bạn bè đã động viên khuyên giải nhiều nhưng không

có kết quả. Nay chị Thùy A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Thảo M, sinh ngày 19-9-2009 và Bùi Duy T, sinh ngày 19-6-2011. Chị Thùy A đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Thùy A không đề nghị Tòa án giải quyết; về tài sản chung, chị Thùy A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Bùi Văn T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Văn T nhưng anh T không có ý kiến, không cung cấp lời khai, quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Thùy A.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Vũ Thị Thùy A vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn T và đề nghị Tòa án giao hai con chung là Bùi Thảo M và Bùi Duy T cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung chị Thùy A không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ thu thập được.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các điều 70, 72 và 199 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: đề nghị xử cho chị Vũ Thị Thùy A được ly hôn anh Bùi Văn T; về con chung: Đề nghị giao hai con chung là Bùi Thảo M, sinh ngày 19-9-2009 và Bùi Duy T, sinh ngày 19-6-2011 cho chị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, chị Thùy A và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: Chị Vũ Thị Thùy A phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị Thùy A có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh Bùi Văn T và đề nghị giải quyết việc nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Văn T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại tổ 6, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Vũ Thị Thùy A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị Thùy A và bị đơn anh Bùi Văn T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Vũ Thị Thùy A kết hôn với anh Bùi Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại phường B, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 28-02-2008 (Chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2008), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm, bạo hành chị Thùy A mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè và hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện tại anh chị đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm trách nhiệm với nhau. Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị Thùy A và anh Bùi Văn T đã rất căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Thùy A với anh Bùi Văn T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Thùy A và anh T có hai con chung là Bùi Thảo M, sinh ngày 19-9-2009 và Bùi Duy T, sinh ngày 19-6-2011, chị Thùy A có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét chị Thùy A có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chu đáo, ông Vũ Thế T (là bố đẻ của chị Thùy A) cũng cam kết hỗ trợ, giúp đỡ về mọi mặt để tạo điều kiện cho chị Thùy A chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tại Bản tự khai ngày 05-9-2019 của cháu Bùi Thảo M và Biên bản lấy lời khai của cháu Bùi Duy T ngày 07-10-2019 các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét quan điểm của chị Thùy A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Thùy A và anh Bùi Văn T đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị Thùy A phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Thùy A và anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Thùy A được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về việc nuôi con chung: Giao hai con là Bùi Thảo M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009 và Bùi Duy T, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2011 cho chị Vũ Thị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Thùy A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Thùy A và anh Bùi Văn T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Thùy A phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007377 ngày 20-9-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng; chị Vũ Thị Thùy A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Thùy A và anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường B;
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tỉnh